TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 02 - 2020
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiếm

Bà Trịnh Thị Kim Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký HKTT: thị trấn N, huyện V L, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Phòng 3x - 8xx Az - N, Okinawaken - Nhật Bản;

2. Bị đơn: Anh Trần Quang H1, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký HKTT: thôn H, xã L, huyện V L, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Phòng 3xx O - x - x - x - T - N - Okinawa - Nhật Bản;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cháu Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012;

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện V L, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu L: Anh Trần Quang H1, là bố;

Địa chỉ: Phòng 3xx O - x - x - x - T - N - Okinawa - Nhật Bản;

4. Người làm chứng: Bà Trương Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: thôn N, thị trấn N, huyện V L, tỉnh Hưng Yên;

Ông Trần Đức T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa: Chị H, anh H1, cháu L, ông T, bà B đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bầy: Chị và anh Trần Quang H1 kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 22 tháng 02 năm 2012. Vợ chồng chung sống tại gia đình anh H1 ở thôn H, xã L, huyện V từ ngày cưới đến tháng 4 năm 2016 thì anh H1 đi du học tại Nhật Bản và đến tháng 10 năm 2016 thì chị cũng sang Nhật Bản du học. Thời gian đầu hai vợ chồng cùng chung sống, nhưng do đã có mâu thuẫn từ khi chưa sang Nhật Bản nên vợ chồng thường nảy sinh to tiếng do không thống nhất về quan điểm sống dẫn đến mỗi người sống một nơi từ tháng 4 năm 2018. Anh chị cũng đã được gia đình khuyên giải nhưng do anh H1 thường đến nơi chị sống để gây chuyện nên tình cảm vợ chồng không còn, chị xác định không thể chung sống được với anh H1 do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 đang sống cùng ông bà nội, nếu ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang du học nên sẽ nhờ mẹ đẻ là bà Trương Thị B chăm sóc con cho đến khi chị về nước.

Tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng chưa có tài sản, nghĩa vụ chung và chưa có công sức đóng góp gì với hai bên gia đình nên nếu ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản đề ngày 22 tháng 11 năm 2019, bị đơn anh Trần Quang H1 trình bày: anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn khoảng tháng 8 năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh đã xuất cảnh sang Nhật Bản từ tháng 4 năm 2015 và có về nước hai lần nhưng chỉ ở nhà bố mẹ đẻ nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được.

Anh và chị Nguyễn Thị H1 có một con chung là Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 đang sống cùng ông bà nội nên nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con nhưng sẽ nhờ bố mẹ chăm sóc và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về sài sản khi giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị H.

Do đang sống và làm việc tại Nhật Bản nên anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và thông báo kết quả cho bố anh là ông Trần Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 đề nghị được tiếp tục sống cùng ông bà nội và bố là Trần Quang H1.

Ủy ban nhân dân xã L, huyện V cung cấp: Anh Trần Quang H1 và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 22 tháng 02 năm 2012. Vợ chồng cùng chung sống một thời gian thì anh H1 rồi đến chị H đi du học tại Nhật Bản. Anh H1 và chị H có một con chung là Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 đang sống cùng ông bà nội ở thôn Hướng Đạo.

Ông Trần Văn T là bố anh Trần Quang H1 cung cấp: Anh Trần Quang H với chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện sau thời gian quen biết tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng gia đình ông ở thôn H, xã L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi anh H1 đi du học ở Nhật Bản, chị H vẫn sống cùng với gia đình ông đến khoảng năm 2016 thì chị H cũng sang du học cùng chồng. Vợ chồng vẫn sống chung với nhau đến đầu năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân, ông và gia đình đã khuyên bảo nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh H1, chị H không thay đổi nên anh chị chung sống được với nhau không gia đình để hai người tự quyết định. Con chung của chị H và anh H1 là cháu Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 đang ở cùng gia đình ông, nên chị H xin nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn ông không đồng ý vì hiện nay cháu đang sống với vợ chồng ông còn chị H thì đang du học cũng không có thời gian chăm sóc con. Do đó ông đề nghị Tòa giao con chung của anh chị cho con trai ông là anh Trần Quang H1 nuôi dưỡng và gia đình ông sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L trong thời gian anh H1 du học ở Nhật Bản. Thời gian chung sống cùng gia đình chị H, anh H1 không có tài sản chung, không có công sức gì đối với gia đình ông.

Ông Trần Văn T nhất trí nhận các văn bản liên quan đến việc giải quyết vụ kiện giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang H1, và cam đoan sẽ chịu trách nhiệm thông báo cho anh Hợp nội dung văn bản, tài liệu của Tòa án.

Bà Trương Thị B, mẹ chị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang H1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình anh H1 ở thôn H, xã L và thống nhất đi xuất khẩu lao động. Khi sang Nhật Bản, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ ngày 02/4/2018. Gia đình đã khuyên bảo nhưng vợ chồng tiếp tục chung sống được với nhau thì phải tự quyết định. Chị H và anh H1 có 01 con chung, cháu Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012 hiện nay cháu đang ở với bà nội, nếu ly hôn mà chị H được nuôi con thì bà sẽ nhận chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến lúc chị H đi lao động Nhật Bản trở về Việt Nam. Thời gian chung sống chị H, anh H1 không có tài sản, nghĩa vụ chung, và không có công sức gì đối với gia đình.

Bà đồng ý nhận các văn bản liên quan đến vụ án mà Tòa gửi cho chị H và cam đoan có trách nhiệm thông báo lại cho chị H biết nội dung các văn bản của Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai của các bên đương sự, đơn xin xét xử vắng mặt chị H, anh H1 cùng lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1. Giao anh H nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Trần Đức L, chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; anh H1 có quyền khởi kiện yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác. Không giải quyết về tài sản, vay nợ cùng các vấn đề khác và chị H phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Trần Quang H1 có hộ khẩu thường trú tại: thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: phòng xx O - x - x - x - T - N - Okinawa - Nhật Bản phù hợp với cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an: Anh Trần Quang H1, sinh ngày 29/12/1992, tại Hưng Yên, CMND số 145462xxx, khai đăng ký địa chỉ thường trú tại: H, L, huyện V, tỉnh Hưng Yên đã được Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số C1368xxx ngày 11/03/2016, có giá trị đến ngày 11/03/2026; có thông tin xuất cảnh nhiều lần, lần cuối cùng xuất cảnh ngày 29/9/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó có đủ căn cứ xác định anh H1 ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Trần Quang H1 đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện ly hôn: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang H1 kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 22 tháng 02 năm 2012 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của chị H và anh H1 phù hợp với nhau và phù hợp với cung cấp của gia đình hai bên có đủ căn cứ xác định sau khi đi du học tại Nhật Bản thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã sống mỗi người một nơi từ tháng 4 năm 2018. Vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng vẫn không quan tâm, chăm lo đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó anh chị đều đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[2.2] Quan điểm của chị Nguyễn Thị H và anh Trầnn Quang H1 đều đề nghị được nuôi con sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh chị đều đang du học tại Nhật Bản nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con trong khi con chung của anh chị đang sống ổn định và đề nghị được sống cùng bố và ông bà nội nên sẽ giao anh H1 nuôi dưỡng chăm sóc con chưa thành niên của anh chị là Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012; quan điểm của anh H1 không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang H1 đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 227, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Trần Quang H1.

Con chung: Giao anh Trần Quang H1 nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Trần Đức L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2012. Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này; nếu chị H

lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của chị H.

Công nhận sự tự nguyện của anh Trần Quang H1 chưa yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, anh H1 có quyền yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Anh Trần Quang H1, chị Nguyễn Thị H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000239 ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Tú

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*